

Số: 921/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 27 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 16/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (dự án lập lại); Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số khoản nêu tại Điều 1 Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 16/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh khoản 13, 15 Điều 1 Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 16/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 88/TTr-STC ngày 18/5/2022 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (dự án lập lại).
- Quyết toán lần này: Giai đoạn lập lại dự án 3.547m.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.
- Địa điểm xây dựng: Xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).
- Thời gian khởi công : 30/12/2013.
- Thời gian hoàn thành: 07/12/2019.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng Dự toán của dự án được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		232.810.217.849	226.226.402.880
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	-	-
2	Xây dựng	217.128.929.192	213.174.927.580
3	Thiết bị	-	-
4	Quản lý dự án	2.838.927.727	2.600.000.000
5	Tư vấn	8.350.951.739	8.107.997.300
6	Chi phí khác	3.077.740.887	2.343.478.000
7	Dự phòng	1.413.668.304	-

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt lần này	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng số	272.162.673.000	226.226.402.880	223.836.341.480	2.390.061.400	-
1	Vốn đầu tư công	272.162.673.000	226.226.402.880	223.836.341.480	2.390.061.400	-
1.1	Vốn NSNN	272.162.673.000	226.226.402.880	223.836.341.480	2.390.061.400	-
	- Vốn NSTW (vốn CTNC đề sông, đề biển; CTMTQG ứng phó biến đổi khí hậu; CHTT ứng phó biến đổi khí hậu)	198.000.000.000	172.685.341.480	172.685.341.480	-	-
	- Vốn NSĐP và khác	74.162.673.000	53.541.061.400	51.151.000.000	2.390.061.400	-
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	-	-	-	-	-
2	Vốn khác (nếu có)	-	-	-	-	-

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số				226.226.402.880	
1	Tài sản dài hạn			226.226.402.880	
2	Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		226.226.402.880	
1	Vốn đầu tư công	226.226.402.880	
1.1	Vốn NSNN	226.226.402.880	
	- Vốn NSTW	172.685.341.480	
	- Vốn NSDP và khác	53.541.061.400	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	-	
2	Vốn khác (nếu có)	-	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 20 tháng 4 năm 2022:

- Tổng nợ phải thu: 2.801.125.600 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 2.801.125.600 đồng.

Chi tiết các khoản công nợ theo sổ phải thu, phải trả của từng đơn vị tại Phụ lục kèm theo.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm kiến nghị của Thanh tra Bộ kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và chịu trách nhiệm giải trình với các cơ quan chức năng theo báo cáo thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của Sở Tài chính.

- Chủ đầu tư thực hiện tổng hợp giá trị quyết toán được duyệt của công trình vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn	Tài sản ngắn hạn
Tổng số		226.226.402.880	
1	Chi cục Thủy lợi Trà Vinh	226.226.402.880	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, các cơ quan có liên quan:

Hoàn tất thủ tục thanh toán với chủ đầu tư theo khối lượng thực hiện và giá trị quyết toán được duyệt.

4. Các nghiệp vụ khác: Không.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, Chủ đầu tư và Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Chi Cục Thủy lợi TV;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng: CNXD;
- Lưu: VT, KT. 08

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng

Phụ lục

**Dự án: Kế bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Côn Trừng, xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
(dự án lập lại)**

(Kèm theo Quyết định số: 921/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: Đồng

Stt	Đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị Sở Tài chính thẩm tra	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ	
					Phải trả (6=4-5)	Phải thu (7=5-4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4-5)	(7=5-4)
1	Công ty CP Đầu tư và XD Tiền Giang	Xây dựng (Gt A2)	36.422.680.580	36.413.922.580	8.758.000	-
2	Công ty CP Tư vấn và XD Phú Xuân	Xây dựng (Gt A1)	44.482.734.000	44.356.289.000	126.445.000	-
3	Công ty CP Xây dựng và TM 299	Xây dựng (Gt B1; B2; B3)	121.255.901.000	120.217.793.400	1.038.107.600	-
4	Công ty TNHH Toàn Khang	Xây dựng (Gt B3- phát sinh bù giá)	11.013.612.000	10.015.699.000	997.913.000	-
5	Công ty TNHH Địa chất MT Đất Việt	Lập BC đánh giá TĐMT	710.116.000	703.016.000	7.100.000	-
6	Công ty TNHH TV CN Kè bờ Minh Tác	Thiết kế & K/sát	4.031.929.000	3.632.190.000	399.739.000	-
7	Công ty TNHH Kiểm toán FAC	Kiểm toán độc lập	0	411.064.200	-	411.064.200
8	Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh	Thẩm tra QT	223.063.000	-	223.063.000	-
9	Ngân sách tỉnh	Công nợ	-	-	-	2.390.061.400
Tổng cộng					2.801.125.600	2.801.125.600